

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **22/2019/HNGĐ-ST**
Ngày: 25/6/2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Ngọc Thanh

2. Bà Đoàn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đông Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2019/TLST-HNGĐ ngày 11/3/2019 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2019/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Võ Thị C**, sinh năm 1988 (Vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Số điện thoại

2. Bị đơn: Anh **Trương Văn S**, sinh năm 1980 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn B, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Số điện thoại

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/01/2019, biên bản lấy lời khai ngày 24/4/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Võ Thị C trình bày:*

Chị và anh Trương Văn S cưới nhau năm 2008, đến năm 2013 mới đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã H, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/7/2013. Sau khi cưới chị về chung sống với anh S tại khu phố A, thị trấn B, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang, cuộc sống

vợ chồng thật sự hạnh phúc được khoảng vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh S không chí thú làm ăn, thường xuyên ăn nhậu dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau có lần anh S đánh chị bằng tay, vì thương con nên tôi cố gắng nhẫn nhịn cho đến năm 2015 vợ chồng thật sự ly thân đến nay.

Về con: Vợ chồng có 01 đứa con chung tên Trương Minh N, sinh ngày 15/10/2013, từ khi ly thân đến nay con do tôi đang trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản: Vợ chồng không tài sản chung.

Về nợ: Vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn với anh Trương Văn S;

- Về quan hệ nuôi con chung: Yêu cầu trực tiếp nuôi con chung tên Trương Minh N, sinh ngày 15/10/2013, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con vì hiện tại chị đang có thu nhập ổn định mỗi tháng khoảng 10.000.000 đồng từ nghề nuôi tôm;

- Về quan hệ tài sản chung và về quan hệ nợ chung: Vợ chồng không tài sản chung, không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn chị Võ Thị C vắng mặt tại phiên tòa lần hai, nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn anh Trương Văn S vắng mặt lần thứ hai, không lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

- Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng nguyên đơn chị Võ Thị C trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đối với người tham gia tố tụng bị đơn anh Trương Văn S trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là chưa đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, cụ thể như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử;

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xem xét những vấn đề cụ thể như sau, về hôn nhân, cho chị Võ Thị C ly hôn anh Trương Văn S; về nuôi con chung, giao Trương Minh N, sinh ngày 15/10/2013 là con chung của hai người cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, anh S không cấp dưỡng nuôi con cùng chị C; về tài sản chung và về nợ chung, không có tranh chấp nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo cho bị đơn anh Trương Văn S biết và quy định thời gian để bị đơn có ý kiến về việc khởi kiện *“ly hôn, tranh chấp về nuôi con”* của nguyên đơn chị Võ Thị C. Nhưng bị đơn anh S không có ý kiến gì và cũng không cung cấp chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Do đó, Tòa án vẫn tiến hành việc giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Sau đó, Tòa án tiến hành Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn anh S, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà bị đơn anh S vẫn có tình vắng mặt không lý do. Như vậy, được xác định đây là vụ án thuộc trường hợp không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: *“Bị đơn,.....đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn có tình vắng mặt”*.

Nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn anh Trương Văn S, nhưng bị đơn anh S vắng mặt không có lý do nên HĐXX phải hoãn phiên tòa. Quyết định hoãn phiên tòa để mở phiên tòa xét xử lần thứ hai đã được tổng đạt hợp lệ cho bị đơn anh S, nhưng bị đơn anh S vẫn vắng mặt không có lý do, đồng thời tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

- Về hôn nhân: Chị Võ Thị C và anh Trương Văn S khi tổ chức hôn nhân, anh chị tự nguyện lấy nhau làm vợ chồng, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã H, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận ký kết hôn vào ngày 15/7/2013. Quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh S là hôn nhân hợp pháp phù hợp theo qui định tại các điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị C thấy rằng: Theo chị C trình bày cùng các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do anh S không chí thú làm ăn, thường xuyên ăn nhậu dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau, trong lúc mâu thuẫn anh S có đánh chị C nên làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể khắc phục được và thực tế vợ chồng đã thật sự ly thân nhau một thời gian dài từ năm 2015 đến nay, từ khi ly thân đến thời điểm này thì cả hai bên chị C và anh S không còn thể hiện sự quan tâm đến nhau.

Qua kết quả xác minh, thu thập chứng cứ thì tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của chị C và anh S là có thật, cụ thể mâu thuẫn vợ chồng xảy ra trầm trọng nhất là năm 2015 xuất phát từ việc anh S có người phụ nữ khác bên ngoài, không chí thú làm ăn, thường xuyên ăn nhậu và tham gia vào các tệ nạn xã hội như cờ bạc

không cùng chị C chăm lo cuộc sống vợ chồng, do đó hai bên đã cãi nhau và đã thật sự ly thân nhau từ đó đến nay (Bút lục số 39, 40).

Từ những phân tích, đánh giá trên cho thấy anh S đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho mối quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh S không khả năng đoàn tụ, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C đối với anh S theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về nuôi con chung: Theo chị C, vợ chồng có 01 con chung tên Trương Minh N, sinh ngày 15/10/2013 hiện đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con cùng chị sau khi vợ chồng ly hôn.

Nội dung này đã được Tòa án nêu rõ trong thông báo thụ lý vụ án và đã tổng đạt hợp lệ cho anh S, nhưng anh S vẫn không có ý kiến phản bác gì đối với ý kiến của chị C nêu ra và cũng không có yêu cầu gì khác. Đồng thời, từ khi ly thân đến nay con do chị C trực tiếp nuôi dưỡng và vẫn phát triển bình thường như bao đứa trẻ khác. Việc chị C không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con cùng chị sau khi vợ chồng ly hôn là tự nguyện, hơn nữa theo ý kiến của chị C nêu ra thì hiện nay chị C có nghề nghiệp và có thu nhập ổn định nên có đầy đủ khả năng, điều kiện nuôi dưỡng con chung, do đó anh S không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị C. Vì vậy, cần giao cháu Trương Minh N, sinh ngày 15/10/2013 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng sau khi chị C và anh S ly hôn là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không thể hiện ý kiến yêu cầu gì, nên HĐXX không xem xét.

- Về tài sản chung và về nợ chung: Theo chị C, vợ chồng không tài sản chung, không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của chị C về tài sản và nợ như trên, Tòa án đã nêu trong Thông báo về việc thụ lý vụ án để anh S biết, nhưng đến nay anh S không có ý kiến gì phản bác ý kiến của chị C và cũng không có yêu cầu gì khác. Như vậy, khi Tòa án giải quyết vụ án này thì các đương sự (chị C, anh S) không có tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản và nợ, do đó HĐXX không xem xét giải quyết đến phần này.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Võ Thị C có đơn yêu cầu xin ly hôn nên chị C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1 - Về hôn nhân: Cho chị Võ Thị C ly hôn anh Trương Văn S.

2 - Về nuôi con chung: Giao con chung Trương Minh N, sinh ngày 15/10/2013 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, anh S không cấp dưỡng nuôi con cùng chị C sau khi vợ chồng ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3 - Về tài sản chung và về nợ chung: Không xem xét.

4 - Về án phí: Chị Võ Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0006157 ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh; chị C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 25/6/2019); đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh KG;
- VKS huyện, tỉnh;
- Các Đ/s;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã H;
- Lưu (HSVA, VPTA).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Mỹ Linh